**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Mẫu 6 – DNNN.TV

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**------------**

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**

**TƯ VẤN, HỖ TRỢ CHÀO BÁN CỔ PHẦN**

Số: \_\_\_\_/201\_/VCBS-TVTCDN

**Hợp đồng cung cấp dịch vụ Tư vấn, hỗ trợ chào bán cổ phần này** *(sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”)* được lập ngày .../.../201\_, tại Hà Nội, giữa các bên gồm:

1. **TÊN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC .......................**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Địa chỉ | : | ... |
| Điện thoại | : | ... |
| Mã số thuế | : | {THUE} |
| Số tài khoản | : | ... |
| Đại diện hợp pháp | : | Ông/ Bà **...** |
| Chức vụ | : | {CHUCVU\_KH} |
| Giấy ủy quyền | : | (Trường hợp đại diện theo ủy quyền) |

*(Sau đây gọi tắt là “****Bên A****”)*

1. **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Địa chỉ | : | Số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Điện thoại | : | (024) 3936 6426 Fax: (024) 3936 0262 |
| Mã số thuế | : | 0101248046 |
| Số Tài khoản | : | 0681000007952 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở chính |
| Đại diện hợp pháp | : | Ông Lê Mạnh Hùng |
| Chức vụ | : | Giám đốc |

*(Sau đây gọi tắt là “****Bên B****”)*

**Xét rằng:**

* Bên A là doanh nghiệp nhà nước, đang có nhu cầu chuyển nhượng vốn (bán cổ phần/vốn góp) mà Bên A đang sở hữu tại Doanh nghiệp khác;
* Bên A có nhu cầu sử dụng các dịch vụ tư vấn và tổ chức bán cổ phần bởi công ty chứng khoán dưới hình thức bán đấu giá và các hình thức khác có liên quan *(bán đấu giá cổ phần qua Sở giao dịch chứng khoán/ bán cổ phần theo hình thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận thông qua Sở Giao dịch chứng khoán)* nhằm đảm bảo công tác chuyển nhượng vốn tuân thủ pháp luật cũng như đảm bảo các lợi ích hợp pháp của mình.
* Bên B là công ty chứng khoán được Ủy Ban chứng khoán nhà nước cấp phép hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, có mạng lưới khách hàng và đối tác là các tổ chức đầu tư chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, tư vấn phát hành, tư vấn chào bán chứng khoán, tư vấn chuyển nhượng chứng khoán, tư vấn cổ phẩn hóa, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn tài chính doanh nghiệp có đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn theo yêu cầu của Bên A phù hợp với các quy định của pháp luật.

**Sau khi thoả thuận, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản như sau:**

**Điều 1. Phạm vi Hợp đồng**

Theo Hợp đồng này, Bên B là tổ chức tư vấn cho Bên A để thực hiện chuyển nhượng vốn của Bên A đang sở hữu tại các Doanh nghiệp khác theo các quy định hiện hành về chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài của Doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên. Các Doanh nghiệp có cổ phần, phần vốn góp được chuyển nhượng bao gồm.

1. Công ty cổ phần/ Công ty TNHH hai thành viên **...........................**

* Thông tin về Doanh nghiệp:  **......................**
* Giấy CNĐKDN số:  **......................**
* Địa chỉ:  **......................**
* Tỷ lệ vốn góp của Bên A tại Doanh nghiệp: **......................**

1. Công ty cổ phần/ Công ty TNHH hai thành viên **............................**

* Thông tin về Doanh nghiệp:  **......................**
* Giấy CNĐKDN số:  **......................**
* Địa chỉ:  **......................**
* Tỷ lệ vốn góp của Bên A tại Doanh nghiệp:  **......................**

1. Ngoài các Doanh nghiệp được nêu tại mục 1, 2 Điều này, danh sách các Doanh nghiệp mà Bên A có nhu cầu thuê Bên B tư vấn để thực hiện hoạt động chuyển nhượng vốn có thể được mở rộng theo thỏa thuận giữa hai Bên, thông qua việc ký kết bổ sung các Phụ lục của Hợp đồng này để thực hiện.

**Điều 2. Nội dung công việc do Bên B thực hiện**

Tùy thuộc hiện trạng Doanh nghiệp và nhu cầu tư vấn của Bên A tại từng thời điểm, nội dung công việc tư vấn do Bên B thực hiện sẽ được hai Bên thống nhất trong Phụ lục Hợp đồng, có thể bao gồm một hoặc nhiều hạng mục công việc như liệt kê dưới đây:

* + 1. **Tư vấn, đề xuất Phương án chuyển nhượng vốn của Bên A tại các Doanh nghiệp**
* Khảo sát, đánh giá điều kiện về việc chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp thuộc sở hữu của Bên A tại Doanh nghiệp;
* Xây dựng Dự thảo Phương án chuyển nhượng cổ phần/ phần vốn góp phù hợp với quy định của pháp luật gửi Bên A trong vòng 22 (hai mươi hai) ngày làm việc từ khi Bên A cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu.
* Khi nhận được Dự thảo Phương án thoái vốn do Bên B chuyển tới, Bên A có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Bên B trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày làm việc. Trong trường hợp một số thông tin đã cung cấp cho Bên B bị thay đổi nhưng để đảm bảo được yếu tố khách quan của Hồ sơ chuyển nhượng vốn, Bên A có quyền yêu cầu Bên B sửa đổi, cập nhật. Sau thời hạn này, nếu Bên B không nhận được bất cứ sự phản hồi bằng văn bản nào từ Bên A, Bên B được coi như đã hoàn thành nội dung công việc này theo Hợp đồng;
* Hỗ trợ Bên A giải trình với [tên cấp có thẩm quyền phê duyệt] (nếu có) trên cơ sở các tài liệu được Bên A cung cấp.

*Kết quả tư vấn: Phương án thoái vốn cổ phần.*

* + 1. **Tư vấn thủ tục và hỗ trợ thực hiện thoái vốn tại các Doanh nghiệp**

1. **Đối với Doanh nghiệp chưa niêm yết/ chưa đăng ký giao dịch**
2. **Tư vấn trình tự, thủ tục và phối hợp thực hiện đấu giá**

Sau khi Bên A nhận được văn bản chấp thuận về phương án bán đấu giá cổ phần tại Doanh nghiệp, Bên B thực hiện:

* Xây dựng Bản công bố thông tin về việc thoái vốn, Lộ trình triển khai thực hiện và các tài liệu liên quan khác theo quy định của pháp luật trên cơ sở các tài liệu do Bên A, Doanh nghiệp cung cấp để các cơ quan liên quan thông qua và ký ban hành.
* Tư vấn cho Bên A công bố thông tin về việc thoái vốn/chào bán trên báo Trung ương và báo địa phương. Trong trường hợp này, Bên A sẽ trực tiếp ký hợp đồng với đơn vị báo, mọi chi phí phát sinh sẽ được Bên A thanh toán cho đơn vị báo theo hóa đơn thực tế.

1. **Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần**

* Đối với đấu giá tại Sở giao dịch:
* Nộp và theo dõi, bổ sung hồ sơ công bố thông tin bán đấu giá cổ phần với Sở giao dịch Chứng khoán.
* Đăng ký làm đại lý đấu giá với Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.
* Hỗ trợ/ phối hợp tổ chức đấu giá cổ phần tại Sở giao dịch chứng khoán.
* Tổng kết đợt đấu giá;
* Thực hiện các báo cáo, công bố thông tin về kết quả việc bán đấu giá theo Luật định;
* Đối với đấu giá tại Bên B:
* Soạn thảo và ban hành Quy chế đấu giá bán phần vốn của Bên A tại Doanh nghiệp và các tài liệu đấu giá;
* Công bố thông tin về việc đấu giá theo quy định, thực hiện công bố công khai về việc bán đấu giá cổ phần theo luật định, nhận đăng ký đấu giá, nhận tiền đặt cọc;
* Tổ chức địa điểm cho các đối tượng có nhu cầu mua cổ phần đăng ký tham dự đấu giá; kiểm tra các điều kiện tham dự đấu giá, thu tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá;
* Tổ chức cuộc đấu giá, tiếp nhận các phiếu tham dự đấu giá; tập hợp và xác định kết quả đấu giá và công bố kết quả đấu giá;
* Thực hiện trả lại tiền đặt cọc cho các nhà đầu tư tham dự đấu giá nhưng không trúng giá;
* Tổng kết đợt đấu giá;
* Thực hiện các báo cáo, công bố thông tin về kết quả việc bán đấu giá theo Luật định;
* Bàn giao lại toàn bộ hồ sơ đấu giá để Bên A quản lý, lưu trữ;

1. Trong trường hợp cuộc đấu giá không thành công hoặc thành công nhưng vẫn còn số lượng cổ phần/ phần vốn góp cần chuyển nhượng, Bên B sẽ phối hợp và hỗ trợ Bên A triển khai tiếp việc chào bán cạnh tranh (nếu có) hoặc/và bán thỏa thuận theo quy định và hướng dẫn của pháp luật hiện hành;
2. Tư vấn, hỗ trợ, thực hiện các công việc phát sinh khác liên quan theo các quy định của pháp luật hiện hành.
3. **Đối với Doanh nghiệp là công ty cổ phần đã niêm yết/ đăng ký giao dịch**
4. **Tổ chức thực hiện chuyển nhượng cổ phần theo phương thức khớp lện trên sàn Giao dịch (khớp lệnh hoặc thỏa thuận)**

Sau khi Bên A nhận được văn bản chấp thuận về phương án bán đấu giá cổ phần tại Doanh nghiệp, Bên B thực hiện:

* Xây dựng Bản công bố thông tin về việc chuyển nhượng vốn và các tài liệu liên quan khác theo quy định của pháp luật trên cơ sở các tài liệu do Bên A, Doanh nghiệp cung cấp để các cơ quan liên quan thông qua và ký ban hành.
* Hỗ trợ Bên A mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Bên B.
* Thống nhất với Bên A về lộ trình thực hiện chào bán cổ phiếu (theo từng ngày/ tuần - tùy theo yêu cầu của Bên A). Bên B khuyến nghị hình thức giao dịch phù hợp (Khớp lệnh, thỏa thuận) cho Bên A căn cứ vào khối lượng giao dịch cổ phiếu chuyển nhượng, giá khởi điểm chào bán của Bên A và giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán tại phiên giao dịch trước ngày giao dịch.
* Hỗ trợ Bên A công bố thông tin về kết quả giao dịch.

1. Trường hợp bên A không lựa chọn chuyển nhượng cổ phần theo phương thức khớp lệnh trên sàn giao dịch thì sẽ thực hiện phương thức đấu giá công khai, chào bán giá cạnh tranh thỏa thuận tương tự tại mục 2.1, khoản 2 Điều 2 Hợp đồng này.

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

* + 1. Yêu cầu Bên B cập nhật tiến độ thực hiện công việc theo từng nội dung nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này;
    2. Nghiệm thu kết quả, khối lượng công việc đã hoàn thành của Bên B theo từng nội dung nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này;
    3. Cung cấp cho Bên B đầy đủ thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Các thông tin, tài liệu mà Bên A phải cung cấp cho Bên B bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu liên quan đến việc sở hữu của [*Tên Doanh nghiệp nhà nước*] tại [Doanh nghiệp] như sau:
* Các hồ sơ pháp lý chứng minh việc sở hữu cổ phần/ phần vốn góp;
* Các tài liệu, thông tin cần thiết có liên quan khác theo yêu cầu của Bên B để phục vụ cho việc thực hiện các nội dung công việc quy định tại Điều 2 của Hợp đồng.
  + 1. Bên A có trách nhiệm thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định mức giá khởi điểm làm cơ sở xác định mức giá chuyển nhượng cổ phần/ phần vốn góp thấp nhất của [*Tên Doanh nghiệp nhà nước*] tại [Doanh nghiệp] theo quy định pháp luật và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
    2. Bảo đảm về tính xác thực của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Bên B để thực hiện các công việc của Hợp đồng này. Bên B không chịu trách nhiệm về những thiệt hại và/hoặc các sai sót trong quá trình thực hiện các công việc của Hợp đồng do Bên A cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ và/hoặc thông tin, tài liệu bị che dấu, bị đánh tráo, bị làm giả của Bên A và/hoặc do nhân viên của Bên A gây ra;
    3. Cử người đại diện Bên A (làm đầu mối) để hỗ trợ giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện các công việc nêu tại Hợp đồng này;
    4. Đảm bảo và cam kết rằng Bên A đã tuân thủ các quy định pháp luật đối với mọi hoạt động của mình liên quan đến nội dung của Hợp đồng;
    5. Đảm bảo và cam kết rằng khi kí Hợp đồng này Bên A đã có được các phê duyệt/chấp thuận nội bộ cần thiết và việc kí Hợp đồng này không gây ra bất kì mâu thuẫn, xung đột nào khác với các Hợp đồng khác và các quy định nội bộ của Bên A.
    6. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn phí dịch vụ cho Bên B theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

* + 1. Yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Bên B nêu tại Điều 2 của Hợp đồng;
    2. Được hưởng phí dịch vụ quy định tại Điều 5 Hợp đồng này;
    3. Cam kết sẽ tuyệt đối giữ bí mật và không tiết lộ bất cứ tài liệu, thông tin mà Bên A cung cấp theo Hợp đồng này cho bên thứ ba trừ trường hợp: *(i)* Việc tiết lộ cho mục đích thực hiện Hợp đồng, hoặc *(ii)* Bên A đồng ý bằng văn bản hoặc *(iii)* theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc *(iv)* nằm ngoài khả năng kiểm soát của Bên B;
    4. Hoàn thành khối lượng công việc theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng này;
    5. Cam kết không chuyển giao một phần quyền hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba, ngoại trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác;
    6. Không chịu trách nhiệm về việc chậm trễ thực hiện công việc nêu tại Điều 2 của Hợp đồng do việc Bên A chậm cung cấp các thông tin, tài liệu hoặc các điều kiện cần thiết phục vụ cho việc thực hiện các công việc của Bên B;
    7. Bên B không có nghĩa vụ phải tham gia bất kỳ phiên tranh tụng hoặc xử lý tranh chấp nào liên quan đến giá trị định giá doanh nghiệp, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với các bên;
    8. Có quyền tạm dừng thực hiện các công việc của Hợp đồng/ đơn phương chấm dứt hợp đồng này khi: *(i)* Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; *(ii)* Xảy ra sự cố bất khả kháng; *(iii)* Trường hợp Bên A đã thực hiện và hoàn tất công việc như đã nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này nhưng quá thời hạn 1 năm kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực mà Bên A không ra quyết định chuyển nhượng vốn tại Doanh nghiệp hoặc không nhận được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn[[1]](#endnote-1). Trong các trường hợp *(i),* *(ii)* và *(iii)* nêu tại khoản này, Bên A không có quyền yêu cầu Bên B bồi thường bất kỳ khoản tiền nào do việc tạm dừng gây ra.
    9. Không có trách nhiệm giải quyết các khiếu nại của nhà đầu tư và/hoặc các vấn đề phát sinh khác trong trường hợp phương án đã được các bên thống nhất, đã công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng bị thay đổi do quyết định của Bên A và/hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.
    10. Bên B chịu trách nhiệm về nội dung trong phạm vi công việc và kết quả tư vấn trong phạm vi công việc theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo trách nhiệm tối đa nhằm thực hiện tốt, đúng tiến độ các công việc này. Trong trường hợp Bên B thực hiện không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, nếu gây thiệt hại thì Bên B không được thanh toán phí dịch vụ và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất thực tế phát sinh (nếu có) do lỗi chủ quan của Bên B.

**Điều 5. Phí dịch vụ và phương thức thanh toán**

1. **Phí dịch vụ:**

Khoản phí dịch vụ của Bên A để thực hiện công việc nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này được Hai Bên thống nhất xác định là \_\_\_\_\_\_\_\_\_ *(\_\_\_\_\_\_\_\_ triệu)* đồng.

Khoản phí dịch vụ trên đây chưa bao gồm:

* Thuế Gía trị gia tăng (10%);
* Các khoản phí, lệ phí chính thức phải nộp cho UBCKNN, Sở GDCK và các cơ quan nhà nước khác (nếu có);
* Chi phí đăng báo để công bố thông tin về cuộc đấu giá: Trong trường hợp theo yêu cầu của Bên A và Bên B đồng ý thay mặt Bên A ký hợp đồng với đơn vị báo, mọi chi chí phát sinh sẽ được Bên A thanh toán trên cơ sở hóa đơn hợp lệ của Bên B cung cấp.
* Các chi phí phát sinh thêm ngoài phạm vi công việc: Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A và Bên A sẽ thanh toán các khoản phí phát sinh hợp lý được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

1. **Phương thức thanh toán:**

Các khoản phí dịch vụ nêu tại khoản 1 Điều này sẽ được Bên A chuyển khoản vào tài khoản của Bên B theo thông tin tại mục 5.4 của Hợp đồng này với các lần thanh toán cụ thể như sau:

* Lần thanh toán thứ nhất: là một khoản tiền bằng \_\_\_\_\_\_\_ VNĐ (\_\_\_\_\_\_ Việt Nam đồng) và khoản thuế giá trị gia tăng tương ứng sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Khoản phí này là phí cố định và trong mọi trường hợp không được hoàn trả lại cho Bên A.
* Lần thanh toán thứ hai: là một khoản tiền bằng \_\_\_\_\_\_\_\_ VNĐ (\_\_\_\_\_\_\_ Việt Nam đồng) và khoản thuế giá trị gia tăng tương ứng sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên B hoàn thành việc xây dựng Dự thảo Phương án thoái vốn gửi Bên A.
* Lần thanh toán thứ ba là một khoản tiền bằng \_\_\_\_\_\_\_\_ VNĐ (\_\_\_\_\_\_\_\_ Việt Nam đồng) và khoản thuế giá trị gia tăng tương ứng sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

1. Ngoại trừ nguyên nhân bất khả kháng, nếu Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo quy định thì Bên A phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngắn hạn dưới 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam áp dụng tại thời điểm thanh toán trên tổng số tiền mà Bên A chậm thanh toán. Thời gian chậm thanh toán không được vượt quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán
2. Tài khoản thanh toán:

Tất cả các khoản phí dịch vụ nêu tại Điều này, Bên A chuyển khoản vào tài khoản của Bên B số 0681000007952 tại Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN;

1. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

* Văn bản hợp đồng;
* Biên bản thanh lý hợp đồng;
* Hóa đơn hợp pháp;
* Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử của Bên A: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Điều 6. Tổ chức và triển khai thực hiện**

1. Hai bên thống nhất cùng xây dựng kế hoạch cho việc thực hiện, trong đó quy định nội dung công việc sẽ thực hiện, trình tự thực hiện và thời gian dự kiến hoàn thành để làm cơ sở cho đánh giá và nghiệm thu kết quả thực hiện công việc;
2. Kế hoạch thực hiện sẽ được nêu chi tiết tại Phụ lục 01 “Lộ trình thoái vốn” - là một phần không thể tách rời Báo cáo và của Hợp đồng này.

**Điều 7. Sửa đổi và chấm dứt Hợp đồng**

1. Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung theo thoả thuận bằng văn bản giữa các bên và được người đại diện có thẩm quyền ký;
2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

* Các bên hoàn thành các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng này và được thể hiện tại Biên bản thanh lý hợp đồng được ký kết giữa hai bên;
* Các bên thoả thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp này, hai bên sẽ thoả thuận về các điều kiện, điều khoản cụ thể và tiến hành thanh lý theo khối lượng công việc đã thực hiện;
* Một trong các bên bị giải thể hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
* Theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Hợp đồng này.

**Điều 8. Bất khả kháng**

* 1. Theo Hợp đồng này, các sự kiện bất khả kháng bao gồm:
     + Thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, chiến tranh làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục thực hiện Hợp đồng của các Bên;
     + Nhà nước thay đổi chính sách, pháp luật dẫn đến việc Hợp đồng không thể thi hành được;
     + Các sự kiện khác xảy ra một cách khách quan mà các bên không thể lường trước, không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết.
  2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên gặp bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng 01 ngày làm việc. Cả hai Bên sẽ không chịu trách nhiệm vì không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện các công việc theo Hợp đồng này vì lý do bất khả kháng và thống nhất phương án tiếp tục thực hiện Hợp đồng hoặc quyết toán theo thực tế đã thực hiện đến thời điểm xảy ra bất khả kháng.

**Điều 9. Giải quyết tranh chấp**

1. Luật điều chỉnh

Hợp đồng này và tất cả các thỏa thuận, Phụ lục sửa đổi, bổ sung (nếu có) được điều chỉnh bởi Luật pháp của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1. Giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh bất kỳ khó khăn, trở ngại nào, hai Bên thống nhất sẽ thông báo cho nhau, cùng bàn bạc, tìm biện pháp giải quyết, khắc phục giảm thiểu rủi ro tới mức tối đa và có biên bản về vấn đề này.

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ đ­ược hai Bên giải quyết bằng thương lư­ợng và/hoặc hòa giải. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày một Bên có văn bản yêu cầu giải quyết tranh chấp tới Bên kia, nếu Các Bên không thương lượng và/hòa giải được, mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này. Số lượng Trọng tài viên là 01 do Chủ tịch VIAC chỉ định, địa điểm trọng tài là thành phố Hà Nội, ngôn ngữ trọng tài bằng tiếng Việt.

**Điều 10. Hiệu lực và số bản của Hợp đồng**

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được nêu tại phần đầu của Hợp đồng;
2. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng này phải được cả hai Bên đồng ý và lập thành văn bản do Đại diện có thẩm quyền ký. Những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các điều khoản tương ứng trong Hợp đồng và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này;
3. Nếu bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này được xác định là không có hiệu lực và không khả thi, những điều khoản còn lại vẫn sẽ có hiệu lực và ràng buộc các Bên trong phạm vi pháp luật cho phép;
4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị ngang nhau, Bên A giữ 02 (hai) và Bên B giữ 02 (hai) bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A** | **ĐẠI DIỆN BÊN B** |

**Phụ lục 01**

**LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI**

(bổ sung và sửa lại sau khi thống nhất các lộ trình mẫu trên CRM)

**A - Khớp lệnh Thỏa thuận:**

| **TT** | **Công việc** | **Thời gian**  **(ngày làm việc)** | **Thực hiện** | **Ghi chú/ các quy định về thời gian (nếu có)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn** |  |  |  |
| 1 | HĐTV BÊN A trình xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước của Bên A về phương án thoái vốn tại DOANH NGHIỆP | T-30 | BÊN A, Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước của Bên A | Không có quy định về thời gian trả lời của Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước của Bên A do vậy nếu thời gian chờ ý kiến kéo dài sẽ dẫn đến lộ trình các bước tiếp theo sẽ bị kéo so với dự kiến |
| 2 | HĐQT xem xét và phê duyệt Phương án thoái vốn*(sau khi nhận được ý kiến của* Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước của Bên A *về phương án thoái vốn tại DOANH NGHIỆP).* | T-15 | BÊN A |  |
| 3 | Ban hành Quyết định phê duyệt Phương án thoái vốn | **T** | BÊN A | Ngày T được lấy mốc là ngày BÊN A thông qua Phương án thoái vốn. |
| 4 | Thông báo kế hoạch chuyển nhượng vốn cho DOANH NGHIỆP | T+5 | BÊN A |  |
| **B** | **Triển khai thoái vốn** |  |  |  |
| 5 | Thực hiện các thủ tục lưu ký chứng khoán | T+3 | BÊN A (VCBS hỗ trợ) |  |
| 6 | Xác định giá tham chiếu bình quân 30 phiên liên tiếp để làm cơ sở cho giá giao dịch | T+4 | BÊN A/ VCBS |  |
| 7 | Ký phê duyệt mức giá thấp nhất để BÊN A chuyển nhượng cổ phiếu DOANH NGHIỆP trên Sở GDCK | T+4 | BÊN A |  |
| 8 | Công bố thông tin về đợt thoái vốn (1) | T+5 | BÊN A (VCBS hỗ trợ) |  |
| 9 | Đặt lệnh giao dịch | T+8 – T+30 | BÊN A (VCBS hỗ trợ) | Mỗi đợt giao dịch không quá 30 ngày thường |
| 10 | Báo cáo UBCKNN, HNX và thông báo cho DOANH NGHIỆP về kết quả giao dịch, giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có). | T+30 - T+33 | BÊN A (VCBS hỗ trợ) | Trường hợp hoàn tất chuyển nhượng DOANH NGHIỆP trong một đợt giao dịch thì thời gian báo cáo là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phần |
| 11 | Báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài gửi UBQLV và Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) | T+48 | BÊN A (VCBS hỗ trợ) | Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành chuyển quyền sở hữu cổ phần |

**(1) Công bố thông tin về đợt thoái vốn gồm:**

* Công bố thông tin về việc chuyển nhượng vốn thông qua chuyển nhượng cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, hồ sơ gồm:
* Quyết định của cấp có thẩm quyền về phê duyệt phương án cơ cấu lại BÊN A và quyết định phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của BÊN A tại DOANH NGHIỆP;
* Bản công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 32/2018/NĐ-CP;
* Tài liệu chứng minh BÊN A là chủ sở hữu hợp pháp của số cổ phần BÊN A đăng ký bán.
* Công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, HNX và thông báo cho DOANH NGHIỆP về giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, sử dụng mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

**Lưu ý:** Lộ trình triển khai nêu trên áp dụng cho trường hợp tại thời điểm chuyển nhượng vốn bằng phương thức giao dịch trên HNX các điều kiện thực hiện giao dịch như đã nêu trên được thỏa mãn.

**B - Đấu giá công khai:**

| **TT** | **Công việc** | **Thời gian**  **(ngày làm việc)** | **Thực hiện** | **Ghi chú/ các quy định về thời gian (nếu có)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn** |  |  |  |
| 1 | HĐTV BÊN A trình xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước của Bên A về phương án thoái vốn tại DOANH NGHIỆP | T-30 | BÊN A, Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước của Bên A | Không có quy định về thời gian trả lời của UBQLV do vậy nếu thời gian chờ ý kiến kéo dài sẽ dẫn đến lộ trình các bước tiếp theo sẽ bị kéo dài tương ứng. |
| 2 | HĐQT xem xét và phê duyệt Phương án thoái vốn(2) *(sau khi nhận được ý kiến của* Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước của Bên A *về phương án thoái vốn tại DOANH NGHIỆP).* | T-15 | BÊN A |  |
| 3 | Ban hành Quyết định phê duyệt Phương án thoái vốn(2) | **T** | BÊN A | Ngày T được lấy mốc là ngày BÊN A thông qua Phương án thoái vốn. |
| 4 | Thông báo kế hoạch chuyển nhượng vốn cho DOANH NGHIỆP | T+5 | BÊN A |  |
| **B** | **Triển khai thoái vốn** |  |  |  |
| 5 | Hoàn thành hồ sơ CBTT về việc thoái vốn theo quy định: Bản CBTT và các tài liệu kèm theo | T+15 | VCBS, BÊN A, DOANH NGHIỆP | Hồ sơ công bố thông tin được do VCBS xây dựng, BÊN A và DOANH NGHIỆP cho ý kiến hoàn thiện. |
| 6 | Nộp hồ sơ và sửa đổi, bổ sung hồ sơ CBTT với HNX | T+25 | HNX, VCBS, BÊN A |  |
| 7 | Ký hợp đồng với Sở GDCK | T+25 | BÊN A, HNX |  |
| 8 | Soạn thảo và ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phần của BÊN A tại DOANH NGHIỆP | T+30 | HNX | BÊN A, VCBS có thể cho ý kiến đối với nội dung dự thảo Quy chế do HNX soạn thảo. |
| 9 | Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của người nội bộ | T+30 | BÊN A (VCBS hỗ trợ) | Theo quy định tại thông tư 155 do BÊN A có người đại diện vốn là người nội bộ của DOANH NGHIỆP |
| 10 | Xác định giá tham chiếu bình quân 30 phiên liên tiếp để làm cơ sở cho giá giao dịch | T+30 | BÊN A/ VCBS |  |
| 11 | Ký phê duyệt giá khởi điểm cho đợt đấu giá bán cổ phần của DOANH NGHIỆP do BÊN A sở hữu | T+30 | BÊN A |  |
| 12 | Công bố thông tin về đợt đấu giá | T+31 | BÊN A, DOANH NGHIỆP, VCBS,  SỞ GDCK, Đại lý đấu giá | Tối thiểu 20 ngày trước ngày thực hiện đấu giá |
| 13 | Tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần, nhận tiền đặt cọc, phát Phiếu tham dự đấu giá cho nhà đầu tư | T+32 – T+48 | Đại lý đấu giá | Tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá |
| 14 | Tổng hợp kết quả đăng ký tham dự đấu giá, chuyển tiền đặt cọc và danh sách nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá cho SỞ GDCK | T+50 | Đại lý đấu giá | Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký |
| 15 | Công bố kết quả đăng ký tham dự đấu giá | T+52 | Đại lý đấu giá  SỞ GDCK | Chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá |
| 16 | Nhận Phiếu tham dự đấu giá từ các nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá | T+32 – T+52 | Đại lý đấu giá |  |
| 17 | Chuyển Phiếu tham dự đấu giá của các nhà đầu tư cho SỞ GDCK | T+53 | Đại lý đấu giá | Tối thiểu 01 giờ trước thời gian tổ chức đấu giá |
| 18 | Tổ chức buổi bán đấu giá cổ phần tại SỞ GDCK và lập Biên bản xác định kết quả đấu giá ngay sau khi kết thúc cuộc đấu giá | **T+54** | SỞ GDCK |  |
| 19 | Công bố thông tin về kết quả đấu giá | T+55 | BÊN A, SỞ GDCK | Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản xác định kết quả đấu giá |
| 20 | Gửi kết quả đấu giá cho các đại lý đấu giá | T+56 | SỞ GDCK | Trong vòng 01 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày công bố kết quả đấu giá |
| 21 | SỞ GDCK hoàn trả tiền đặt cọc của các nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần cho các đại lý đấu giá | T+57 | SỞ GDCK | Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá |
| 22 | Nhận kết quả đấu giá tại các đại lý đấu giá | T+55 – T+58 | Nhà đầu tư | Trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá |
| 23 | Đại lý đấu giá hoàn trả tiền đặt cọc cho các nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần | T+55 – T+59 | Đại lý đấu giá | Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá |
| 24 | Gửi kết quả đấu giá cho các nhà đầu tư không đến nhận kết quả tại đại lý đấu giá bằng phương thức đảm bảo | T+59 | Đại lý đấu giá |  |
| 25 | Nhận tiền nộp mua cổ phần của các nhà đầu tư | T+55 – T+61 | Đại lý đấu giá | Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần không quá 07 ngày kể từ ngày công bố kết quả đấu giá |
| 26 | Đại lý chuyển tiền thanh toán mua cổ phần của các nhà đầu tư cho SỞ GDCK | T+63 | Đại lý đấu giá | Sau 02 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn thanh toán mua cổ phần |
| 27 | Thực hiện các thủ tục lưu ký chứng khoán | T+60 –T+62 | BÊN A  (VCBS hỗ trợ) | BÊN A lưu ký cổ phiếu DOANH NGHIỆP vào tài khoản mở tại VCBS |
| 28 | Chuyển giao hồ sơ đăng ký tham dự đấu giá của nhà đầu tư cho SỞ GDCK | T+65 | Đại lý đấu giá, SỞ GDCK | Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền thanh toán mua cổ phần |
| 29 | Chuyển giao hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho BÊN A | T+70 | SỞ GDCK, BÊN A | Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền thanh toán mua cổ phần |
| 30 | Gửi hồ sơ đến VSD để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu chứng khoán (5) | T+65 | BÊN A (VCBS hỗ trợ) | Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhà đầu tư hoàn thành nộp tiền mua cổ phần |
| 31 | Thực hiện chuyển quyền sở hữu cổ phần theo hồ sơ BÊN A gửi VSD | T+70 | VSD | Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nhượng vốn của BÊN A |
| 32 | Báo cáo UBCKNN, SỞ GDCK và thông báo cho DOANH NGHIỆP về kết quả giao dịch, giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có). | T+73 | BÊN A (VCBS hỗ trợ) | Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phần |
| 33 | Báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài gửi Bộ Công Thương và Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) | T+85 | BÊN A (VCBS hỗ trợ) | Tối đa 15 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chuyển nhượng vốn |

**Lưu ý:**

+/ Lộ trình thực hiện nêu trên áp dụng cho cuộc bán đấu giá công khai lần đầu. Trường hợp đấu giá công khai không thành công hoặc thành công nhưng vẫn còn số lượng cổ phần cần bán để chuyển nhượng vốn thì thực hiện chào bán cạnh tranh, trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công và chỉ có 01 (một) nhà đầu tư là đối tượng tham gia đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự phiên chào bán cạnh tranh thì thực hiện phương thức thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Lộ trình thực hiện chào bán cạnh tranh sẽ tương tự như thủ tục thực hiện đấu giá.

+/ Thời gian thực hiện các nội dung công việc theo lộ trình thực hiện nêu trên là dự kiến, thời gian thực hiện thực tế sẽ căn cứ theo quy định tại Quy chế đấu giá cổ phần do SỞ GDCK soạn thảo và ban hành.

1. Tùy thuộc vào trao đổi và đàm phán với KH [↑](#endnote-ref-1)